

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 155/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Công ty đại chúng, tổ chức phát hành trái phiếu (ngoại trừ tổ chức phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương);

b) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, quỹ đại chúng;

c) Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là Trung tâm lưu ký chứng khoán);

d) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty đại chúng* là công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán.

2. *Công ty đại chúng quy mô lớn* là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

3. *Quỹ đại chúng* là quỹ đóng, quỹ mở, bao gồm cả quỹ hoán đổi danh mục và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

4. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; thành viên sáng lập của quỹ đại chúng;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của công ty đại chúng, sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng.

5. *Người nội bộ của công ty đại chúng* là:

a) Thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

c) Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;

d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;

đ) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

6. *Người nội bộ của quỹ đại chúng là:*

a) Thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; thành viên Ban Kiểm soát (nếu có), thành viên bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có); thành viên Ban điều hành của công ty quản lý quỹ;

c) Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán của công ty quản lý quỹ; người điều hành quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

d) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

7. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

8. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

9. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết* của công ty đại chúng là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

10. *Tổ chức đăng ký giao dịch* là tổ chức có chứng khoán đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở giao dịch chứng khoán.

11. *Tổ chức niêm yết* là tổ chức có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

12. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

13. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

14. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh được áp dụng đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Các đối tượng khác được khuyến khích công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đó.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b) Tổ chức phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư này và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4. Việc công bố thông tin của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ thực hiện.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Tổ chức là đối tượng công bố thông tin phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng. Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải lập trang thông tin điện tử khi chính thức hoạt động. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;

b) Các tổ chức khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư này;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch; công ty chứng khoán thành viên; quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

5. Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

6. Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3 và 4 Điều này thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

8. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của một tổ chức khác, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của công ty;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

Trường hợp công ty đại chúng không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của công ty đại chúng cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

2. Công ty đại chúng phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

b) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, công ty đại chúng phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

c) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

4. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

a) Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán;

b) Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, tổ chức phát hành phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp công ty đại chúng chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

5. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm

toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

m) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;

n) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

o) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

p) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

q) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

r) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty đại chúng báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty đại chúng là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, công ty đại chúng phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN

Điều 11. Công bố thông tin định kỳ

1. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán và công bố các nội dung khác theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

3. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Định kỳ 06 tháng và năm, tổ chức niêm yết phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Điều 12. Công bố thông tin bất thường

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Thông tư này và khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

2. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

3. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 14. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có tên trong danh sách công ty đại chúng quy mô lớn do Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố.

2. Trong vòng 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

**CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHÚNG**

Điều 15. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện công bố thông tin như sau:

a) Công bố các báo cáo tài chính năm và báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư này;

b) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, (Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn);

c) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 16. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư này.

Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động, tổ

chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng). Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận;

b) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm a, b, e, h và r khoản 1 Điều 9 Thông tư này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về lý do và quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần) hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn) về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn;

c) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

d) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Chương V

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 17. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 11 Thông tư này (trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ là công ty trách nhiệm hữu hạn thì họp Đại hội đồng cổ đông được đổi thành họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 18. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ là công ty cổ phần, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này và trong các trường hợp sau:

a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, người hành nghề chứng khoán của công ty; khi Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;

c) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;

d) Khi nhận được quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đóng, thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước hoặc nước ngoài.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ là công ty trách nhiệm hữu hạn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại điểm a, b, c, e, g, h, m, n, o, p, q, r, s khoản 1 Điều 9, khoản 1, 2, 3 Điều 12 Thông tư này và điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này (hợp Đại hội đồng cổ đông được đổi thành hợp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 19. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 20. Công bố thông tin khác của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Công ty chứng khoán phải thông báo tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.

2. Trước khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố, công ty chứng khoán phải thông báo cho khách hàng về việc bán giải chấp chứng khoán hoặc bán chứng khoán cầm cố, đồng thời công bố thông tin trên trang điện tử của công ty (đối với trường hợp bán chứng khoán của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ). Sau khi giao dịch được thực hiện, công ty chứng khoán thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

3. Ngoại trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của công ty quản lý quỹ, các quỹ đầu tư mà công ty đang quản lý và danh mục đầu tư của các khách hàng ủy thác hoặc khi số cổ phiếu thuộc sở hữu của chi nhánh tại Việt Nam, công ty mẹ và các khách hàng ủy thác (đối với chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài) đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng theo quy định tại Điều 26 Thông tư này và quy định pháp luật về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

4. Công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng công bố thông tin. Trường hợp khách hàng đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Chương VI
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHÚNG

Điều 21. Công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chúng

1. Công bố thông tin định kỳ của quỹ mở, bao gồm cả quỹ hoán đổi danh mục
- a) Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính quý của quỹ. Nội dung báo cáo tài chính thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ có liên quan. Thời hạn nộp báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 11 Thông tư này.

- b) Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ phải báo cáo và công bố định kỳ hàng tháng, quý, năm các báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- c) Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ hàng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- d) Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên và hàng năm theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Công bố thông tin định kỳ của quỹ đóng

Công ty quản lý quỹ công bố định kỳ các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động đầu tư, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đóng theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

3. Công bố thông tin định kỳ của quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản

Công ty quản lý quỹ công bố định kỳ các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động đầu tư, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ của quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.

4. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của quỹ đại chúng theo quy định áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

5. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác của quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

6. Trừ các báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, thời hạn công bố các thông tin định kỳ khác của quỹ đại chúng như sau:

a) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng tuần: là ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp. Trường hợp công bố thông tin báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng trong vòng 03 ngày làm việc sau ngày định giá;

b) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng tháng: trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng gần nhất;

c) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng quý: trong vòng 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý gần nhất;

d) Đối với thông tin công bố định kỳ 06 tháng (bán niên): trong vòng 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng (bán niên) gần nhất;

đ) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng năm: trong vòng 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất.

Điều 22. Công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với quỹ đại chúng:

a) Được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;

b) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

c) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng;

d) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ; quỹ đại chúng chào bán không thành công;

đ) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

e) Khi có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của quỹ đại chúng;

g) Khi có thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ của quỹ đại chúng;

Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty quản lý quỹ phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ niêm yết Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ;

i) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, gia hạn thời gian hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ đại chúng;

k) Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;

l) Thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ; thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường (đối với quỹ ETF);

m) Điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng;

n) Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức cho phép (đối với quỹ ETF);

o) Các trường hợp quy định tại điểm a, đ, g, p khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc việc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ phải công bố các thông tin bất thường khác về quỹ đại chúng theo quy định hướng dẫn về thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

4. Công ty quản lý quỹ khi công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 23. Công bố thông tin định kỳ về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ phải công bố các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo hoạt động đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ hàng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

4. Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ bán niên, hàng năm báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

5. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

6. Thời hạn công bố thông tin định kỳ của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Thông tư này.

Điều 24. Công bố thông tin bất thường về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

a) Quyết định chào bán, phát hành cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; được cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng, Giấy chứng nhận đăng ký phát hành thêm cổ phiếu; Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty;

b) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

c) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

d) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, giải thể, gia hạn thời gian hoạt động, thanh lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán; bị thu hồi giấy chứng nhận thành lập và hoạt động đối với công ty đầu tư chứng khoán;

đ) Định giá sai giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

e) Sửa đổi điều lệ, bản cáo bạch công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

g) Tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán;

h) Thay đổi tên công ty; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

i) Điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của công ty;

k) Các sự kiện khác có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tài chính, hoạt động của công ty;

l) Các trường hợp quy định tại điểm a, đ, g, i, n, o, p khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ phải công bố các thông tin bất thường khác về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định về hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

Điều 25. Công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin liên quan tới quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này, và trong các trường hợp sau:

- a) Có thay đổi bất thường về giá và khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ ETF; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- b) Các sự kiện khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết quỹ, trong đó nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

Chương VII

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 26. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; hoặc khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao

dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Thông tư này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 27. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

1. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Trung tâm lưu ký chứng khoán và công ty đại chúng về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Trung tâm lưu ký chứng khoán và công ty đại chúng về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 28. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch,

chứng chỉ quỹ đại chúng), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ quỹ đại chúng và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng) và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đại chúng thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là người có liên quan của người nội bộ của quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết,

đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ của công ty đại chúng hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

7. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc giao dịch chứng chỉ quỹ đóng, quyền mua chứng chỉ quỹ đóng của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 29. Công bố thông tin về giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy cổ phiếu cơ cấu

1. Trong giao dịch hoán đổi, quỹ ETF được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 26 và Điều 28 Thông tư này.

2. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, nếu bên hoán đổi là người nội bộ của tổ chức niêm yết và người có liên quan của họ, thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư này.

3. Trong vòng 07 ngày, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, bên hoán đổi phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu niêm yết, nếu thuộc trường hợp áp dụng đối với cổ đông lớn của tổ chức niêm yết theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

4. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch hoán đổi của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của công ty theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 30. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty đại chúng bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 31. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương VIII **CÔNG BỐ THÔNG TIN** **CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

Điều 32. Nội dung công bố thông tin của Trung tâm lưu ký chứng khoán

1. Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a) Thông tin về việc cấp, thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận Thành viên Lưu ký, Chi nhánh Thành viên Lưu ký, thành viên bù trừ;
- b) Thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán, cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung; thông tin về việc hủy đăng ký chứng khoán;
- c) Thông tin về bảo lưu mã chứng khoán trong nước;
- d) Thông tin về việc cấp, hủy bỏ mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài;
- đ) Thông tin về việc thực hiện quyền của các chứng khoán đã đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- e) Thông tin về các trường hợp chuyển nhượng ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- g) Thông tin về các hình thức xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ từ hình thức khiển trách trở lên;
- h) Thông tin về thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, thông tin về tạm ngừng, đình chỉ, chấm dứt tư cách thành viên bù trừ;
- i) Thông tin về việc xử lý các trường hợp mất khả năng thanh toán áp dụng các biện pháp bảo đảm thanh toán và cơ chế phòng ngừa rủi ro;
- k) Thông tin về hệ thống thanh toán bù trừ gặp sự cố bất khả kháng;
- l) Thông tin về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; thông tin về số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
- m) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Công bố thông tin trước 30 ngày khi thực hiện áp dụng, thay đổi giới hạn vị thế đối với thành viên bù trừ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

3. Định kỳ hàng tháng, quý và năm, trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, Trung tâm lưu ký chứng khoán phải công bố các thông tin sau:

- a) Số lượng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;
- b) Thông tin về việc cấp, hủy bỏ mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài;
- c) Thông tin về quản lý sử dụng quỹ bù trừ, quỹ dự phòng rủi ro thanh toán đối với giao dịch chứng khoán phái sinh.
- d) Thông tin về việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.

4. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm, Trung tâm lưu ký chứng khoán phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán danh sách công ty đại chúng quy mô lớn.

5. Trong vòng 03 ngày kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 33. Thông tin về giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán

1. Thông tin trong giờ giao dịch

- a) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch;
- b) Giá tham chiếu, giá trần, giá sàn, giá mở cửa, đóng cửa của từng ngày giao dịch, giá thực hiện, giá dự kiến (trường hợp khớp lệnh định kỳ), mức và ký hiệu biến động giá của từng loại chứng khoán, giá bình quân của chứng khoán (đối với thị trường Upcom);
- c) Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó;
- d) Thông tin giao dịch của trái phiếu phân theo kỳ hạn còn lại, bao gồm: các kỳ hạn giao dịch, lợi suất, khối lượng và giá trị của giao dịch gần nhất, biến động lợi suất của giao dịch gần nhất so với giao dịch trước đó;
- đ) Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Thông tin định kỳ trong ngày giao dịch

- a) Tình trạng các loại chứng khoán; khối lượng mở (open interest) của từng loại chứng khoán phái sinh;

b) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch trong ngày; thông tin về giá chứng khoán phái sinh có tháng đáo hạn gần nhất;

c) Chỉ số giá chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; mức và biến động chỉ số so với ngày giao dịch trước đó;

d) Mức độ dao động giá cổ phiếu trong ngày giao dịch;

đ) Số lượng lệnh, khối lượng đặt mua/bán và giá trị tương ứng với mỗi loại chứng khoán;

e) Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường (theo phiên khớp lệnh; ngày giao dịch);

g) Giá, khối lượng và giá trị giao dịch của từng loại chứng khoán:

- Khớp lệnh (theo từng phiên khớp lệnh và ngày giao dịch đối với khớp lệnh định kỳ và theo ngày giao dịch đối với trường hợp khớp lệnh liên tục);

- Thỏa thuận (nếu có): Thời điểm, loại thông tin giao dịch công bố thực hiện theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

- Giao dịch mua, bán lại cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có).

h) Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài và giới hạn còn được mua đối với từng loại chứng khoán;

i) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường, mức độ, tỷ lệ thay đổi giá, khối lượng giao dịch) về 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất và 10 cổ phiếu biến động giá lớn nhất so với ngày giao dịch gần nhất;

k) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) của 10 cổ phiếu có giá trị niêm yết lớn nhất và 10 cổ phiếu có giá thị trường lớn nhất;

l) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) về trái phiếu bao gồm loại trái phiếu, lãi suất, thời gian đáo hạn, giá thực hiện, lợi suất hiện hành, lợi suất đáo hạn;

m) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch;

n) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Công bố thông tin trong vòng 30 ngày trước khi thực hiện niêm yết mới, niêm yết thay thế loại chứng khoán phái sinh:

a) Mẫu hợp đồng, các điều khoản của hợp đồng chứng khoán phái sinh được niêm yết mới sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Hủy niêm yết, niêm yết thay thế hợp đồng chứng khoán phái sinh trên Sở giao dịch chứng khoán;

Điều 34. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán; công ty chứng khoán là thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh; công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

a) Thông tin chung về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch:

- Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lần đầu, ngày giao dịch đầu tiên;
- Thông tin về hủy niêm yết, đăng ký giao dịch;
- Thông tin về thay đổi niêm yết, đăng ký giao dịch;
- Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lại;
- Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy chế niêm yết, đăng ký giao dịch;
- Thông tin về chứng khoán không được giao dịch ký quỹ;
- Thông tin về chứng khoán bị hạn chế giao dịch;
- Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thông tin về công ty chứng khoán là thành viên, thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh tại Sở giao dịch chứng khoán

a) Thông tin chung về thành viên:

- Thông tin về chấp thuận thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, lựa chọn thành viên tạo lập thị trường phái sinh;
- Thông tin về xử lý vi phạm thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh, đại diện giao dịch theo quy chế thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
- Thông tin về chấm dứt tư cách thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, chấm dứt hợp đồng tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường phái sinh;
- Thông tin về giá trị giao dịch môi giới của 10 thành viên có thị phần lớn nhất theo quý, bán niên và năm;
- Các thông tin khác;

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

3. Thông tin về công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

a) Thông tin chung về công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Thông tin về số lượng công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Thông tin về số lượng quỹ đầu tư chứng khoán niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ quản lý;

- Thông tin về xử lý vi phạm đối với quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy chế niêm yết/công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;

- Các thông tin khác;

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu liên quan đến quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 33, 34 Thông tư này ngay sau khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 35. Thông tin về giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh và thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán

1. Thông tin giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Thông tin về tạm ngừng giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán phái sinh niêm yết;

b) Thông tin về chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc không còn bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt;

c) Thông tin về thay đổi biên độ dao động giá, hạn chế mở vị thế mới, áp dụng giới hạn lệnh, giới hạn lệnh tích lũy;

d) Thông tin về việc hủy bỏ hoặc sửa đổi mẫu, các điều khoản hợp đồng chứng khoán phái sinh sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

đ) Thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, giao dịch chào mua công khai, giao dịch cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

e) Thông tin về việc vi phạm quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh, thành viên bù trừ;

g) Thông tin về xử lý vi phạm các quy định pháp luật về hoạt động thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh theo các quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

h) Các hướng dẫn, thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về quản lý, giám sát thị trường theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán:

Trong vòng 03 ngày kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các đối tượng công bố thông tin khác chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Sở giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với các quy định tại Thông tư này và hệ thống công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà

Phụ lục số 01**Appendix 01****GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN****POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

Tên công ty
Company name

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số:

No:

....., ngày..... tháng..... năm.....

....., month..... day..... year.....

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN ***POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/Mandator (hereinafter referred to as “Party A” - is a company, organization subject to disclosure information):

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/Trading name of organization, company:.....

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund).....

- Mã chứng khoán/Securities code:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

- Điện thoại/Telephone:..... Fax:..... Email:..... - Website:.....

** Áp dụng cho đối tượng công bố thông tin là tổ chức*

Applied for companies/organizations in charge of information disclosure

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)/Authorized party (hereinafter referred to as “Party B”):

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.):..... Ngày cấp/
Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue...
- Địa chỉ thường trú/Permanent residence:
- Chức vụ tại tổ chức, công ty/Position in the organization, company:

III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Party B is responsible on behalf of Party A to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/This Power of Attorney shall take effect from..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của/until a written notice of revocation is submitted by..... (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/(Name of organization, company/Name of fund management company).

BÊN A/PARTY A
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
LEGAL REPRESENTATIVE
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)

BÊN B/PARTY B
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tài liệu đính kèm/Attachments:

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3/Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Appendix 3;

Phụ lục số 02**Appendix 02****GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN****POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày..... tháng..... năm.....

....., day..... month..... year.....

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN***POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán
 - Công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ
 To: - The State Securities Commission
 - The Stock Exchange
 - Public company/fund management company

1. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin)/Mandator (hereinafter referred to as “Party A”- is an individual investor subject to information disclosure Rules)

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):
- Quốc tịch/Nationality:
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.):..... Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue...
- Địa chỉ thường trú/địa chỉ liên hệ/Permanent residence/Address:
- Mã số giao dịch (đối với NĐTNN) Trading Code (for foreign investors):

* Áp dụng cho đối tượng công bố thông tin là cá nhân
 Applied for individuals in charge of information disclosure

- Các tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/*The securities trading accounts or depository accounts (if any):*

2. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)/*Authorized party (hereinafter referred to as “Party B”):*

a) Trường hợp tổ chức được chỉ định, ủy quyền thực hiện công bố thông tin/*In case a legal entity is designated, authorized to disclose information:*

- Tên tổ chức/*Legal entity's name:*

- Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/*tel/fax/email/Head office address (address)/tel/fax/email....*

- Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp... nơi cấp.../*Number of legal entity's Registration Business, Operation License or equivalent legal documents..., date of issue..., place of issue...*

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức/Tên của cá nhân mà tổ chức đó chỉ định thực hiện việc công bố thông tin/*Name of the legal representative of that legal entity/Name of authorized person of that legal entity who is directly in charge of information disclosure:....*

b) Trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện công bố thông tin/*In case an individual is designated, authorized to disclose information:*

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs):*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.):.....*
Ngày cấp/*Date of issue:.....* Nơi cấp/*Place of issue...*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent residence/:*

- Nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ nơi công tác/*Occupation:..... at:..... working address:.....*

- Chức vụ tại tổ chức, công ty nơi công tác/*Position in the organization, company:*

III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):

Bằng giấy ủy quyền này: bên A ủy quyền cho bên B làm “Người công bố thông tin của bên A”. Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin về giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của mình cho bên B và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với thông tin cung cấp cho bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các giao dịch của bên A theo quy định pháp luật/*By this authorization: Party A authorize Party B to do "The disclosure of Party A". Party A shall provide information on share/fund certificate transactions to Party B and be responsible for the completeness, timeliness and accuracy of the information provided to Party B. Party B shall perform the obligations of information disclosure relating to the transactions of party A in accordance with the law.*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/*This Power of Attorney shall take effect from.....* đến ngày/*to.....* hoặc đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của bên A/*until a written notice of revocation is submitted by Party A.*

BÊN A/PARTY A

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

BÊN B/PARTY B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)
(Signature, full name and seal- in case of legal entity)

Phụ lục số 03**Appendix 03****BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN****CIRRICULLUM VITAE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng..... năm.....

....., day..... month..... year

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

1. Họ và tên/Full name:

2. Giới tính/Sex:

3. Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4. Nơi sinh/Place of birth:

5. Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.):.....

Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue.....

6. Quốc tịch/Nationality:

7. Dân tộc/Ethnic:

8. Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9. Số điện thoại/Telephone number:

10. Địa chỉ email/Email:

11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules:

12. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies:

13. Số CP nắm giữ:....., chiếm..... % vốn điều lệ, trong đó:/Number of shares in possession....., accounting for.... % of registered capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:/
Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):

+ Cá nhân sở hữu/*Possess for own account:*

14. Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other commitment of holding shares (if any):*

15. Danh sách người có liên quan của người khai¹/ *List of related persons of declarant:*

| STT No. | Tên cá nhân/tổ chức/ <i>Name of individual/ institutional related person</i> | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ <i>Number of ID or Passport (for individual) or Number of Business Registration, License of Operation or equivalent legal documents (for institution), date of issue, place of issue</i> | Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Number of shares/fund certificates in possession, ownership rate of registered capital of the public company, public fund (if any)</i> | Mối quan hệ/ <i>Relationship</i> |
|------------|---|--|---|-------------------------------------|
| | | | | |

16. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Related interest with public company, public fund (if any):*

17. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/
Conflict interest with public company, public fund (if any):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in
this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI/
DECLARANT**
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

¹ Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006
Related persons are stipulated in Article 34, paragraph 34 of the Law on Securities dated 29th June 2006

Phụ lục số 04
Appendix 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company

Năm báo cáo/Year

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Certificate of business registration No:
- Vốn điều lệ/Charter capital:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital:
- Địa chỉ/Address:
- Số điện thoại/Telephone:
- Số fax/Fax:
- Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any):

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

- Các sự kiện khác/Other events

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/*Governance model*.
- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/*Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp... vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years*.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

- Những thay đổi trong ban điều hành/Changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

| Chỉ tiêu/Financial Figure | Năm/Year X - 1 | Năm/Year X | % tăng giảm/ % change |
|---|-------------------|---------------|--------------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions: | | | |
| Tổng giá trị tài sản/Total asset | | | |
| Doanh thu thuần/Net revenue | | | |

| Chỉ tiêu/Financial Figure | Năm/Year X - 1 | Năm/Year X | % tăng giảm/ % change |
|---|---------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i> | | | |
| Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i> | | | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> | | | |
| <i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> | | | |
| Doanh thu/ <i>Revenue</i> | | | |
| Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i> | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i> | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i> | | | |

- Các chỉ tiêu khác/*other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

| Chỉ tiêu/Benchmarks | Năm/Year X - 1 | Năm/Year X | Ghi chú/ Note |
|--|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>) | | | |

| Chỉ tiêu/Benchmarks | Năm/Year X - 1 | Năm/Year X | Ghi chú/ Note |
|--|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/Total Assets) | | | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/Target on Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/Net revenue Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/total capital Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/Total assets Ratio) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/Net revenue Ratio) | | | |

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

| Chỉ tiêu/Figures | Năm/Year X-1 | Năm/Year X | Ghi chú/ Note |
|--|-------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1. Quy mô vốn/Capital scale | | | |
| - Vốn điều lệ/Charter Capital | | | |
| - Tổng tài sản có/Total assets | | | |
| - Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio | | | |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh/Operating results | | | |
| - Doanh số huy động tiền gửi/Cash deposits | | | |
| - Doanh số cho vay/Lendings | | | |
| - Doanh số thu nợ/Debt collection | | | |
| - Nợ quá hạn/Outstanding debts | | | |
| - Nợ khó đòi/Bad debt | | | |
| - Hệ số sử dụng vốn/Incremental Capital Output Ratio | | | |

| Chỉ tiêu/ <i>Figures</i> | Năm/ <i>Year</i> X-1 | Năm/ <i>Year</i> X | Ghi chú/ <i>Note</i> |
|---|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| - Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/Total outstanding debt Ratio</i>) | | | |
| - Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/Total debt Ratio</i>) | | | |
| - Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>) | | | |
| 3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i> | | | |
| - Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i> | | | |
| - Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i> | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ

phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties

e) Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/Water supply and amount of water used.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

b) Tình hình nợ phải trả/Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in the future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Review concerning the problems of workers*

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans, orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies*).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/*Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý,

Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/*Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

Phụ lục số 05**Appendix 05****BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY****REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

Tên công ty
Company name

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Số:
No.

....., ngày... tháng... năm.....

....., day.... month..., year....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY

(6 tháng/năm)

(6 months/year)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - The State Securities Commission
 - The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company:

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:

- Điện thoại/Telephone:

Fax:

Email:

- Vốn điều lệ/Charter capital:

- Mã chứng khoán/Securities code:

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings and resolutions/decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

| Stt No. | Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày <i>Date</i> | Nội dung <i>Content</i> |
|------------|--|---------------------|----------------------------|
| | | | |

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Management (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Management:*

| Stt No. | Thành viên HĐQT/ <i>BOM's member</i> | Chức vụ/ <i>Position</i> | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ <i>Day becoming/no longer member of the Board of Management</i> | Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of attendance</i> | Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Percentage</i> | Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i> |
|------------|--|-----------------------------|--|--|--|--|
| | Ông/Bà Mr./Ms. ... | | | | | |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervision by the BOD over the Director (General Director):*

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' committees:*

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):*

| Stt No. | Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày <i>Date</i> | Nội dung <i>Content</i> |
|------------|--|---------------------|----------------------------|
| | | | |

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/Supervisory Board (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/*Information about members of Supervisory Board:*

| Stt No. | Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i> | Chức vụ <i>Position</i> | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i> | Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i> | Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i> | Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i> |
|------------|--|----------------------------|--|--|---|---|
| | Ông/Bà Mr./Ms. ... | | | | | |

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/*Other activities of the Supervisory Board (if any):*

IV. Đào tạo về quản trị công ty/Training on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*List of affiliated persons of the Company*

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do <i>Reasons</i> |
|------------|---|--|---|--|--|--|--|-------------------------|
| | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person.*

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions</i> | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of resolutions/ decisions of the AGM/BOM adopted (if any, specify date of issue)</i> | Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch <i>Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|------------|---|--|--|--|--|--|--|------------------------|
| | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power*

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i> | Chức vụ tại CTNY <i>Position at listed company</i> | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/ Passport No. , date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ <i>Address</i> | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries, the company which listed company control</i> | Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i> | Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch/ <i>Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|------------|--|--|---|---|---------------------------|---|---|---|------------------------|
| | | | | | | | | | |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the*

Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).*

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*List of internal persons and their affiliated persons*

| Stt No. | Họ tên Name | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/ Passport No., date of issue, place of issue | Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Ghi chú Note |
|---------|--|---|--|---|----------------------------|---|---|-----------------|
| 1 | (Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i>) | | | | | | | |
| | Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name affiliated person</i> | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/*Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company*

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i> |
|------------|--|---|--|-----------------------------|---|-----------------------------|--|
| | | | <i>Số cổ phiếu Number of shares</i> | <i>Tỷ lệ Percentage</i> | <i>Số cổ phiếu Number of shares</i> | <i>Tỷ lệ Percentage</i> | |
| | | | | | | | |

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD
 (Ký tên và đóng dấu)
 (Sign and seal)

Phụ lục số 06**Appendix 06**

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN,
NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON THE DAY BECOME/IS NO LONGER MAJOR
SHAREHOLDERS, INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED
FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015
của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the
Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN,
NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON THE DAY BECOMING/NO LONGER BEING MAJOR
SHAREHOLDERS, INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF
CLOSED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The public company/The fund management company

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/Information on individual/institutional investor

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/Name of individual/institutional investor:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address*:

- Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Related persons (currently holding the same types of shares/fund certificates)*:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of related individual/Name of institution*:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. or relevant legal documents (in case of organization), date of issue, place of issue*.

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/*Current position at the public company/fund management company (if any)*:

- Môi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/institutional investor*:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of share/fund certificate owned*:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above*: Tại công ty chứng khoán/*In securities company*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction*:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares/fund certificate purchase/sell/give/donate/donated/inheritance/transfer/transferred/swap at date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened*:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction (or swap)*:

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Trading date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates currently held by the related person:*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/organization investor together with related persons after the transaction:*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/
PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

Phụ lục số 07**Appendix 07**

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ
NĂM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**
**REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR SHAREHOLDERS/
INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ
NĂM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**
**REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR SHAREHOLDERS/
INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*- *The Stock Exchange*- *The public company/The fund management company*1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/institutional investor*- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/organization investor:*- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address:*- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:..... Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Related person (currently holding the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of related individual/organization:*

- Quốc tịch/*Nationality::*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/*Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/institutional investor:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of share/fund certificate owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/In securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%))/*Number of shares/fund certificate purchase/sell/give/donate/donated/inheritance/transfer/transferred/swap (to do percentage of ownership has changed over the threshold of one percent (1%):*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction:*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership proportion of shares/closed fund certificates currently held by the related person:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/organization investor and related person after the transaction:*

10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for change in ownership:*

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/*Date of change in ownership:*

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any):*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

Phụ lục số 08**Appendix 08****THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP****NOTICE OF TRANSACTIONS OF FOUNDING SHAREHOLDERS**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**NOTICE OF TRANSACTIONS OF FOUNDING SHAREHOLDERS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

- Công ty đại chúng

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- The public company

1. Thông tin về cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng/*Information about the founding shareholder of the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address:*

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position in company (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/*Securities depository account:*

2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch/*Name/code of securities*:
3. Phương thức thực hiện giao dịch/*Transaction execution method*:
4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares held by the transferor before conducting transaction*:
5. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/*Number of shares registered for trading*:
6. Tên tổ chức/Họ và tên cá nhân nhận chuyển nhượng/*Name of the transferee(*)*:
 - Quốc tịch/*Nationality*:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue*.
 - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address*:
 - Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:..... Email:..... Website:.....
 - Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position in company (if any)*:
 - Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có)/*Relationship with transferor (if any)*:
 - Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/*Securities depository account*:
 - Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position of related person in company (if any)*:
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership proportion of shares held by related person*:
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of share held by the transferee held before the transaction*:
8. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày.... đến ngày...../*Indicative transaction period: from..... to.....*

(*): Trường hợp người được chuyển nhượng không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện giao dịch phải gửi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho việc chuyển nhượng trên/*In the event that transferees are not founding shareholders, transaction executor shall need to submit the Resolution of General Meeting of Shareholders on approval of the above transfer*.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

Phụ lục số 09**Appendix 09****BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**
REPORT ON TRANSACTION RESULT OF FOUNDING SHAREHOLDERS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
REPORT ON TRANSACTION RESULT OF FOUNDING SHAREHOLDERS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The public company

1. Thông tin về cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng/*Information about the founding shareholder of the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organization:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address:*
- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:..... Website:.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position in company (if any):*
- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/*Securities depository account:*

2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch/*Name/code of securities*:
3. Phương thức thực hiện giao dịch/*Transaction execution method*:
4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares held by the transferor before conducting transaction*:
5. Thông tin về tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng/*Information about the organization/individual transferees*:
 - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organization*:
 - Quốc tịch/*Nationality*:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue*.
 - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address*:
 - Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:..... Email:..... Website:.....
 - Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position in company (if any)*:
 - Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có)/*Relationship with transferor (if any)*:
 - Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/*Securities depository account*:
6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of share held by the transferee held before the transaction*:
7. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/*Number of shares registered for trading*:
8. Số lượng cổ phiếu thực hiện giao dịch/*Volume of trading shares*:
9. Số lượng cổ phiếu bên chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number of share held by the transferor held after the transaction*:
10. Số lượng cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number of share held by the transferee held after the transaction*:
11. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày..... đến ngày..... *Transaction period: from..... to.....*
12. Lý do không hoàn tất giao dịch/*The reason not to complete the transaction*:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

Phụ lục số 10**Appendix 10****THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ****NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF INTERNAL
PERSON AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015
của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the
Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ
ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**
**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF INTERNAL
PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND
RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

- Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- The public company/The fund management company

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/
organization that conducts the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organization:*- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với
tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of
business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address:*- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (*đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng*)/*Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Address:*

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Currently position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:.....* tại công ty chứng khoán/*In securities company:.....*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/*Number of shares/fund certificates registered to purchase/sale/give/be given/donate/be donated/inherit/ transfer/transferred/swap.*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates expected to hold after the transaction:*

8. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purposes of transaction:*

9. Phương thức giao dịch/*Mode of transaction:*

10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Transaction period: từ ngày/ from..... đến ngày/to.....*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal - in case of organization)

Phụ lục số 11**Appendix 11**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA
CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

***NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY
SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL
PERSON AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015
của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the
Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA
CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ
CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

***NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY
SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL
PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND
AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

- Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- The public company/The fund management company

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/
organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address*:

- Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person*:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address*:

- Điện thoại liên hệ/*Address*: Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Currently position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:.....* tại công ty chứng khoán/*In securities company:.....*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number, proportion securities/fund certificates held before transaction in rights, convertible bond:*

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights or convertible bond owned:*

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/*Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions)*:

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/sale/give/be given/donate/be donated/inherit/transfer/transferred*.

9. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number of shares/fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares*:

10. Phương thức giao dịch/*Mode of transaction*:

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Transaction period*: từ ngày/*from*..... đến ngày/*to*.....

(*) Là số cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua là 200)/*Being number of shares/fund certificates expected to purchase according to the execution ratio, for example, number of rights is 1000, execution ratio is 5:1, then the number of shares/fund certificates expected to purchase is 200*)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING
ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)**

Phụ lục số 12**Appendix 12****BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN****REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND
CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ
CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ****REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES
OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON
OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

- Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*- *The Stock Exchange*- *The public company/The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organization:*- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address*:

- Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/*Posittion in the public company, the fund management company at registration date(if any)*:..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:..... (nêu rõ lý do)*/*and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company*:

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company*.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund)*:

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person*:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.*:

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address*:

- Điện thoại liên hệ/*Address*: Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Posittion in the public company, the fund management company at date on which individual/organization referred to in paragraph 1 to register the transaction*:...

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Currently posittion in the public company, the fund management company*:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organization executing transaction with internal person*:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:.....* tại công ty chứng khoán/*In securities company:.....*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of shares/fund certificates registered to purchase/sale/give/be given/donate/be donated/inherit/transfer/transferred.*

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) ******/*Number of shares/fund certificates traded (purchase/sale/give/be given/donate/be donated/inherit/transfer/transferred/swap).*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held after executing transaction:*

9. Phương thức giao dịch/*Mode of transaction:*

10. Thời gian thực hiện giao dịch/*Transaction period:* từ ngày/*from.....* đến ngày/*to.....*

****** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/***** (*In case of failing to execute full registered number, the internal person/related person of internal person shall need to explain the reasons.*)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING
ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)**

Phụ lục số 13**Appendix 13****BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN****REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....

....., day... month... year.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

- Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- The public company/The fund management company

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/Information on individual/organization:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/Name of individual/organization:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Address:*

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/*Posittion in the public company, the public fund management company at registration date (if any):*..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:..... (nêu rõ lý do)*/*and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company:*

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng)/*This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Address:*

Fax:

Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Posittion in the public company, the fund management company at date on which individual/organization referred to in paragraph 1 to register the transaction:...*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mỗi quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/
Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/
Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:.....* tại công ty chứng khoán/*In securities company:.....*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/
Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):

7. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/sale/give/be given/donate/be donated/inherit/transfer/transferred:*

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng
*/*Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) traded to purchase/sale/give/be given/donate/be donated/inherit/transfer/transferred:*

9. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number of shares/fund certificates/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/*Mode of transaction:*

11. Thời gian thực hiện giao dịch/*Transaction period:* từ ngày/*from:.....* đến ngày/*to:.....*

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/** (In case of failing to execute full registered number, the internal person/related person of internal person shall need to explain the reasons.)*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING
ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)